

Số: 58 /2007/QĐ-UBND

Biên Hoà, ngày 10 tháng 9 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về rà soát, kiểm tra  
và xử lý văn bản quy phạm pháp luật**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 01/2004/TT-BTP ngày 16 tháng 6 năm 2004 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 20/TTr-STP ngày 12 tháng 6 năm 2007 về việc ban hành Quy định về rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - Cục KTra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
  - TT. TƯ; TT. HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
  - UBMTTQ tỉnh; các đoàn thể;
  - Các Phó VP UBND tỉnh;
  - Lưu: VT, NC, các Phòng; TTCB;
- unc.QDVBPPL-tp

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Một**

## **QUY ĐỊNH**

**Rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 58 /2007/QĐ-UBND  
ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy định này quy định việc rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là văn bản QPPL) theo thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### **Điều 2. Mục đích kiểm tra**

Rà soát văn bản QPPL là việc xem xét lại các văn bản QPPL đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm phát hiện những văn bản có nội dung trái pháp luật, chồng chéo, mâu thuẫn hoặc không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, trái với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên để xử lý bằng các hình thức thích hợp như sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành, đồng thời kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản mới để kịp thời điều chỉnh các quan hệ xã hội.

#### **Điều 3. Đối tượng áp dụng**

1. Các văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền bao gồm: quyết định, chỉ thị.

2. Các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL và văn bản do cơ quan không có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL ban hành khi có yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Các văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hoà ban hành (gọi tắt là cấp huyện).

4. Các văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn ban hành (gọi tắt là cấp xã).

5. Không áp dụng Quy định này đối với việc rà soát, kiểm tra văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hoà. Các văn bản QPPL do các cơ quan này ban hành được tiến hành rà soát, kiểm tra và xử lý theo quy định tại Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

#### **Điều 4. Trách nhiệm rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản**

1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tự kiểm tra và đề xuất hình thức xử lý các văn bản quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ban, ngành có liên quan trong tỉnh kiểm tra các văn bản quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 của Quy định này; chủ trì tổ chức thực hiện việc rà soát văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giám đốc các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Tổ chức tự kiểm tra các văn bản QPPL do đơn vị mình chủ trì soạn thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh khi có thông báo của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra đối với văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật.

b) Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp kiểm tra và xử lý các văn bản QPPL quy định tại Điều 2 của Quy định này.

c) Định kỳ tổ chức rà soát các văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc phạm vi lĩnh vực do đơn vị được giao quản lý, kịp thời phát hiện các nội dung không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu quản lý nhà nước hoặc khi cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản mới đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ.

3. Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, tự kiểm tra văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành; kiểm tra và xử lý văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành. Định kỳ hàng năm tổ chức rà soát văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

4. Trưởng ban Tư pháp, công chức Tư pháp – hộ tịch cấp xã có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, tự kiểm tra văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành.

#### **Điều 5. Trách nhiệm báo cáo công tác rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản**

Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo công tác soạn thảo, ban hành, kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản QPPL như sau:

1. Các sở, ngành gửi báo cáo về công tác soạn thảo, rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản QPPL đến Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi báo cáo về tình hình soạn thảo, ban hành, rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản QPPL đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã gửi báo cáo về tình hình soạn thảo, ban hành, kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản QPPL đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tư pháp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã.

3. Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện và Trưởng ban Tư pháp cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu dự thảo báo cáo về tình hình soạn

thảo, ban hành và rà soát, kiểm tra, xử lý văn bản QPPL trên địa bàn 6 tháng và hàng năm báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của Chỉ thị số 32/2005/CT-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 6. Cộng tác viên rà soát, kiểm tra văn bản**

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm xây dựng và quản lý đội ngũ cộng tác viên rà soát, kiểm tra văn bản theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Chế độ, chính sách đối với cộng tác viên rà soát, kiểm tra văn bản được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **Điều 7. Rà soát văn bản QPPL**

Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phải được thường xuyên rà soát để kịp thời xem xét, kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ hoặc bãi bỏ khi:

1. Tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương đã thay đổi hoặc khi cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản mới làm cho nội dung văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân không còn phù hợp;

2. Nhận được thông tin, yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân ban hành có dấu hiệu trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp.

#### **Điều 8. Quy trình rà soát văn bản QPPL**

Việc rà soát văn bản QPPL được tiến hành như sau:

1. Lập kế hoạch rà soát; trong đó xác định mục đích, yêu cầu và phạm vi rà soát, đồng thời nêu các biện pháp bảo đảm thực hiện và thời gian thực hiện.

2. Thu thập, tập hợp, phân loại văn bản để rà soát và các văn bản để đối chiếu. Việc thu thập và tập hợp này phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Thu thập đúng và đầy đủ những văn bản QPPL cần rà soát và văn bản không phải là văn bản QPPL nhưng có chứa đựng quy phạm pháp luật.

b) Tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật theo từng lĩnh vực đã xác định.

3. Thực hiện các thao tác nghiệp vụ cụ thể:

a) Đọc, nghiên cứu văn bản;

b) Đối chiếu với văn bản QPPL của cấp trên và yêu cầu quản lý nhà nước với đặc điểm kinh tế xã hội ở địa phương;

c) Phát hiện các quy định không còn phù hợp với văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc đặc điểm kinh tế xã hội ở địa phương;

d) Kiến nghị việc xử lý văn bản QPPL.

## **Điều 9. Xử lý kết quả rà soát văn bản QPPL**

1. Thẩm quyền:

a) Ủy ban nhân dân xử lý các văn bản QPPL của Ủy ban nhân dân trên cơ sở kết quả rà soát và đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

b) Các cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra cấp trên có thẩm quyền xử lý các văn bản QPPL của Ủy ban nhân dân cấp dưới.

2. Cách thức xử lý.

Các văn bản QPPL trái pháp luật sau khi rà soát được xử lý bằng các hình thức sau:

a) Đình chỉ thi hành một phần hoặc toàn bộ văn bản trong trường hợp nội dung sai trái đó nếu chưa được sửa đổi, bãi bỏ, hủy bỏ kịp thời và nếu tiếp tục thực hiện thì có thể gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

b) Sửa đổi, bổ sung trong trường hợp văn bản được ban hành đúng thẩm quyền nhưng có một phần nội dung không phù hợp với nội dung văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên mới được ban hành hoặc không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và cần phải có quy định khác thay thế nội dung đó.

c) Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung của văn bản trong trường hợp nội dung đó trái với nội dung của văn bản mới được ban hành là cơ sở pháp lý của văn bản được kiểm tra mà không thuộc trường hợp cần đề xuất sửa đổi, bổ sung.

d) Hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung của văn bản trong trường hợp toàn bộ hoặc một phần văn bản đó được ban hành trái thẩm quyền về hình thức, thẩm quyền về nội dung hoặc không phù hợp với quy định của pháp luật ngay từ thời điểm ban hành văn bản đó.

Việc đề xuất hủy bỏ cũng được áp dụng đối với các văn bản quy định tại Điều 26 của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 bao gồm những văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL và văn bản do cơ quan không có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL ban hành theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004.

## **Điều 10. Công bố kết quả rà soát văn bản QPPL**

Định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân công bố danh mục văn bản QPPL do cấp mình ban hành đang có hiệu lực, đã hết hiệu lực, các văn bản đã được thay thế, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ theo quy định.

## **Chương III KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VĂN BẢN**

### **Điều 11. Phương thức kiểm tra văn bản**

Việc kiểm tra văn bản QPPL được tiến hành bằng các phương thức sau:

1. Tự kiểm tra.

2. Kiểm tra theo thẩm quyền.

3. Kiểm tra văn bản QPPL khi nhận được yêu cầu, kiến nghị, thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản QPPL hoặc của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật hoặc không còn phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội ở địa phương.

### **Điều 12. Nội dung kiểm tra văn bản**

1. Kiểm tra tính hợp pháp của văn bản QPPL theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn tại khoản 2 Mục I Thông tư số 01/2004/TT-BTP ngày 16/6/2004 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP. Văn bản QPPL hợp pháp là văn bản đảm bảo đủ các điều kiện sau đây:

a) Được ban hành đúng căn cứ pháp lý;

b) Được ban hành đúng thẩm quyền;

c) Nội dung của văn bản phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Văn bản được ban hành đúng thể thức và kỹ thuật trình bày;

đ) Tuân thủ đầy đủ các quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành và đăng Công báo, đưa tin hoặc công bố văn bản QPPL.

2. Sự phù hợp của văn bản với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước của địa phương.

### **Điều 13. Gửi văn bản để thực hiện việc tự kiểm tra**

1. Đối với văn bản QPPL quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này, trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi đến Sở Tư pháp một bản để thực hiện việc tự kiểm tra.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có dấu hiệu trái pháp luật hoặc nhận được yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản QPPL thì Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển thông báo đến Sở Tư pháp và các đơn vị có liên quan để tự kiểm tra.

3. Đối với văn bản quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quy định này, trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành, Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến Trưởng phòng Tư pháp một bản để thực hiện việc tự kiểm tra.

4. Đối với văn bản quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy định này, trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành, Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đến Trưởng Ban Tư pháp xã một bản để thực hiện việc tự

kiểm tra.

#### **Điều 14. Gửi văn bản kiểm tra theo thẩm quyền**

1. Đối với văn bản quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này, trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ban hành, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi đến tổ chức pháp chế của Bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan và Cục Kiểm tra văn bản thuộc Bộ Tư pháp để thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền.

2. Đối với văn bản quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quy định này, trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ban hành, Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến Sở Tư pháp để kiểm tra theo thẩm quyền.

3. Đối với văn bản quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy định này, trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ban hành, Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân cấp xã gửi đến Phòng Tư pháp để kiểm tra theo thẩm quyền.

#### **Điều 15. Kiểm tra và xử lý văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành**

1. Đối với văn bản quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 của Quy định này có dấu hiệu trái pháp luật, Giám đốc Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xử lý; đồng thời thông báo cho lãnh đạo các sở, ban, ngành thuộc tỉnh đã chủ trì soạn thảo văn bản đó nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về biện pháp xử lý.

2. Trường hợp nhận được thông báo của cơ quan, tổ chức và cá nhân phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, Sở Tư pháp kiểm tra văn bản trong thời gian 03 ngày làm việc và đồng thời thông báo cho đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản để kiểm tra và đề xuất hướng xử lý với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sau khi nhận được thông báo của Sở Tư pháp, trong thời gian 05 ngày làm việc Thủ trưởng đơn vị đã chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức tự kiểm tra văn bản; phối hợp với Sở Tư pháp để làm rõ các nội dung có dấu hiệu trái pháp luật và đề xuất biện pháp xử lý. Trường hợp nội dung văn bản có liên quan đến các đơn vị khác, đơn vị chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến các đơn vị đó.

3. Đối với văn bản được kiểm tra theo thông báo của cơ quan nhà nước cấp trên, nếu kết quả kiểm tra cho thấy văn bản được ban hành đúng pháp luật thì Sở Tư pháp phối hợp với đơn vị đã chủ trì soạn thảo chuẩn bị văn bản, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để thông báo kết quả kiểm tra gửi cơ quan đó.

4. Trường hợp Sở Tư pháp và đơn vị đã chủ trì soạn thảo không thống nhất ý kiến thì đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản phải báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

#### **Điều 16. Kiểm tra và xử lý văn bản do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành**

Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xử lý văn bản quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quy định này có dấu hiệu trái pháp luật; đồng thời:

1. Trực tiếp kiểm tra văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

2. Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện tự kiểm tra, xử lý văn bản nếu qua

công tác kiểm tra phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

3. Trong thời gian 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành văn bản phải tổ chức tự kiểm tra, xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật và thông báo kết quả xử lý cho Sở Tư pháp.

4. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản có dấu hiệu trái pháp luật không xử lý trong thời hạn nêu trên hoặc Sở Tư pháp không nhất trí với kết quả xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản thì Giám đốc Sở Tư pháp báo cáo và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đình chỉ việc thi hành và bãi bỏ hoặc hủy bỏ các văn bản trái pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

#### **Điều 17. Kiểm tra và xử lý văn bản do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành**

Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp mình kiểm tra, xử lý văn bản quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy định này có dấu hiệu trái pháp luật. Trưởng phòng Tư pháp có trách nhiệm:

1. Trực tiếp kiểm tra văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.
2. Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã tự kiểm tra, xử lý văn bản nếu qua công tác kiểm tra phát hiện có nội dung trái pháp luật.
3. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đình chỉ thi hành và bãi bỏ hoặc hủy bỏ các văn bản trái pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

#### **Điều 18. Kiểm tra, xử lý văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước**

Việc kiểm tra, xử lý văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 135/2003/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

#### **Điều 19. Công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật**

1. Kết quả xử lý văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh phải được gửi đăng Công báo tỉnh.
2. Đối với kết quả xử lý văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã, trong thời hạn 03 (ba) ngày, kể từ ngày có kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phải niêm yết công khai kết quả xử lý tại trụ sở làm việc của đơn vị mình. Thời gian niêm yết là 30 (ba mươi) ngày.
3. Đối với văn bản quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy định này, kết quả xử lý phải được gửi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã đề nghị kiểm tra văn bản.
4. Trong trường hợp văn bản được kiểm tra và xử lý theo thông báo của cơ quan nhà nước cấp trên thì kết quả xử lý văn bản cũng đồng thời được gửi cho cơ quan đó.
5. Trường hợp văn bản được kiểm tra đã đăng Công báo tỉnh thì kết quả xử lý văn bản cũng phải gửi đăng Công báo tỉnh.

### **Chương IV TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG**

# CÔNG TÁC RÀ SOÁT, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VĂN BẢN

## **Điều 20. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Gửi đầy đủ văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đến các cơ quan có thẩm quyền nêu tại khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 13 của Quy định này.
2. Tạo điều kiện để cơ quan nhà nước cấp trên kiểm tra văn bản theo thẩm quyền.
3. Thực hiện việc công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, Công báo tỉnh về kết quả xử lý văn bản theo quy định.

## **Điều 21. Giám đốc Sở Tư pháp**

Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước về công tác kiểm tra văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL ở địa phương.
2. Tổ chức tập huấn và hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm tra văn bản QPPL cho cán bộ thực hiện công tác kiểm tra văn bản của các sở, ngành và các địa phương thuộc tỉnh.
3. Chủ trì, phối hợp với thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.
4. Phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác kiểm tra văn bản ở địa phương;
5. Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra tình hình ban hành văn bản trên địa bàn tỉnh.
6. Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh về các biện pháp xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL.

## **Điều 22. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh**

1. Xây dựng tổ chức pháp chế hoặc cán bộ pháp chế để thực hiện công tác xây dựng và kiểm tra văn bản QPPL.
2. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát và tự kiểm tra văn bản QPPL thuộc lĩnh vực chuyên môn của cơ quan mình đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, phát hiện các quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, hoặc không còn phù hợp với tình hình thực tế để đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ văn bản đó.
2. Phối hợp cùng Sở Tư pháp đề xuất các biện pháp xử lý các văn bản trái pháp luật; báo cáo tình hình soạn thảo ban hành và kiểm tra văn bản liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước do đơn vị mình phụ trách báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh khi có yêu cầu.

## **Điều 23. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hoà**

1. Xây dựng đội ngũ cán bộ xây dựng và kiểm tra văn bản có trình độ nghiệp vụ, đảm bảo về cơ sở vật chất và kinh phí cho công tác kiểm tra văn bản theo quy định.

2. Chỉ đạo Phòng Tư pháp rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân ban hành để phục vụ công tác kiểm tra văn bản QPPL.

3. Chỉ đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thực hiện việc gửi đầy đủ văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành đến Sở Tư pháp để kiểm tra theo quy định và gửi đăng Công báo tỉnh.

#### **Điều 24. Trưởng phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hoà**

Trưởng phòng Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về công tác kiểm tra văn bản QPPL trên địa bàn.

1. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tự kiểm tra văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân ban hành; chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan trong việc tự kiểm tra văn bản QPPL có liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc huỷ bỏ văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

2. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc kiểm tra theo thẩm quyền đối với văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL đối với các xã, phường, thị trấn; nếu phát hiện văn bản có nội dung trái pháp luật thì thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý văn bản theo quy định.

3. Định kỳ hàng năm, Phòng Tư pháp phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức rà soát văn bản QPPL do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 25. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị, cá nhân tham mưu ban hành văn bản trái pháp luật**

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; cán bộ, công chức đã tham mưu ban hành văn bản trái pháp luật phải chịu trách nhiệm theo quy định của Pháp lệnh Cán bộ công chức và các văn bản pháp luật có liên quan.

### **Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 26. Kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản**

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và các nguồn kinh phí hỗ trợ khác.

2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh dự toán kinh phí cho công tác rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản QPPL hàng năm theo quy định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn và đảm bảo về kinh phí cho công tác rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh.

## **Điều 27. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân các cấp, công tác viên rà soát, kiểm tra văn bản có thành tích trong công tác rà soát, kiểm tra, xử lý văn bản được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong công tác rà soát, kiểm tra và xử lý văn bản quy định tại Điều 30 Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003, tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

## **Điều 28. Tổ chức thực hiện**

Thủ trưởng các sở, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hoà có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề cần sửa đổi, bổ sung; các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh, đề xuất hướng giải quyết gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Một**